

Bản án số: 49/2018/DS-PT
Ngày: 21/5/2018
V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Viết Phong
Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Viết Hùng
Ông Hoàng Minh Thịnh

Thư ký phiên toà: Ông Dương Quốc Thành – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham dự phiên toà: Bà Đàm Thị Vang – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án Dân sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2018/TLPT-DS ngày 30/3/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 05/2018/DS-ST ngày 07/2/2018 của Tòa án nhân dân huyện P bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2018/QĐ-PT ngày 07 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị H, sinh năm 1973. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 1, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1968. (Có mặt).

Bà Phạm Thị H, sinh năm 1968. (Có mặt).

Cùng địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1965. (Có mặt).

Địa chỉ: Thôn 4, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 14/4/2013, bà cho vợ chồng ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi vay ông V có lập giấy ghi với nội dung như sau: “*Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, độc lập, tự do, hạnh phúc. Tôi là Nguyễn*

Văn V, vợ là Phạm Thị H cư trú Long Tân, Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, có vay cô H1 số tiền bằng hai trăm triệu chẵn từ ngày 14/4/2013 - người vay ký tên Nguyễn Văn V, Phạm Thị H". Khi vay tiền, ông V, bà H2 có nói mục đích vay tiền để đáo hạn ngân hàng và hẹn thời hạn trả tiền là 01 tuần kể từ ngày vay, đồng thời hai bên còn có thỏa thuận về lãi suất vay theo lãi ngày là 2.000đ/1 triệu/1 ngày, khi đến hạn không trả được, nên có thỏa thuận lại về lãi suất vay theo tháng nhưng không ghi trong giấy vay.

Kể từ ngày vay đến nay, bà H1 nhiều lần đòi tiền nhưng ông V, bà H2 không trả nên bà H1 yêu cầu Tòa án buộc ông V, bà H2 phải trả số tiền gốc vay 200.000.000 đồng và lãi suất vay kể từ ngày vay đến khi giải quyết vụ án là 100.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm bà H1 yêu cầu trả số tiền gốc vay là 200.000.000 đồng và lãi suất vay theo quy định của pháp luật.

Nguồn gốc số tiền cho ông V, bà H2 vay là số tiền bà H1 vay của bạn bè, không liên quan đến tài sản chung trong gia đình.

Bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H trình bày:

Ông V và bà H2 cùng thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về việc vay số tiền 200.000.000 đồng là đúng. Mặc dù, bà H1 đã nhiều lần yêu cầu trả nợ, gửi thông báo trả nợ và giấy tờ vay tiền từ cuối năm 2015 cho ông V và bà H2, nhưng cũng đã nhiều lần ông V, bà H2 đem tiền đến nhà bà H1 trả nhưng bà H1 không chịu nhận, cụ thể:

- Cuối mùa điều năm 2016 (khoảng tháng 4/2016) ông V, bà H2 có gom được số tiền 50.000.000 đồng đem đến trả, nhưng bà H1 không nhận mà yêu cầu phải trả đủ cả gốc và lãi.

- Ngày 30/5/2017 ông V, bà H2 có gom được số tiền 100.000.000 đồng đem đến trả nhưng bà H1 không nhận mà yêu cầu phải trả đủ cả gốc và lãi.

Sau đó bà H1 thông báo về việc khởi kiện và nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu vợ chồng ông V, bà H2 phải trả số tiền gốc vay 200.000.000 đồng và lãi suất vay 100.000.000 đồng.

Nay, ông V và bà H2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì: Ông V và bà H2 vay nợ dùm cho chị gái ông V là bà Nguyễn Thị C số tiền 200.000.000 đồng và bà C cũng đã trả được số tiền gốc vay là 100.000.000 đồng, nên chỉ còn nợ lại số tiền 100.000.000 đồng và nay bà C nhận trả nợ cho bà H1 số tiền còn lại 100.000.000 đồng tiền gốc vay và lãi suất vay do bà C và bà H1 tự giải quyết với nhau mà không liên quan đến ông V và bà H2.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị C trình bày:

Ông V và bà H2 vay của bà H1 số tiền 200.000.000 đồng là vay dùm cho bà C sử dụng để đáo sổ Ngân hàng. Ngày 17/5/2013 bà C trực tiếp trả nợ cho bà H1 số tiền 112.000.000 đồng số tiền gốc vay, nên bà C có ghi giấy nhận nợ với nội dung: "*Hôm nay ngày 17-5-2013 chị C nợ lại của H 100.000.000 đồng, người nợ - Nguyễn Thị C*". Nay, bà C nhận nghĩa vụ trả nợ cho bà H1 thay cho ông V và bà H2 nhưng bà C chỉ đồng ý trả cho bà H1 số tiền 100.000.000 đồng tiền gốc vay mà không đồng ý trả 200.000.000 đồng tiền gốc vay và lãi suất vay của số tiền này.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện Phú Riềng đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H:

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoàng Thị H số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc vay và 86.700.000 tiền lãi suất vay, tổng cộng là 286.700.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 12/2/2018, bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P buộc ông V bà H2 chỉ phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật: Kể từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định: Xét kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H thấy rằng:

[1] Căn cứ giấy vay tiền lập ngày 14/4/2013 (BL 43), quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H thừa nhận ngày 14/4/2013 có vay bà Hoàng Thị H số tiền 200.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông V, bà H2 cho rằng số tiền vay 200.000.000 đồng của bà H1 là vay dùm bà C nhưng kể từ khi lập giấy vay tiền ngày 14/4/2013 các bên không có chứng cứ nào thể hiện việc vay tiền là vay dùm bà C và bà H1 không thừa nhận việc ông V, bà H2 vay tiền của bà là vay dùm cho bà C. Hơn nữa, ông V, bà H2 lại nhiều lần tự mình thương lượng trả tiền cho bà H1 mà không có bà C tham gia.

[2] Quá trình giải quyết vụ án tại Tòa cấp sơ thẩm bà Nguyễn Thị C cho rằng bà đã trả cho bà H1 số tiền gốc vay 112.000.000 đồng của số tiền 200.000.000 đồng mà ông V, bà H2 vay dùm bà. Xét thấy, căn cứ giấy nhận nợ ngày 19/5/2013 (BL 20) do bà C tự tay ghi nội dung “Chị C nợ lại của H 100.000.000 đồng” và ký nhận nợ nhưng nội dung không thể hiện việc ngày 17/5/2013 bà C đi trả tiền cho bà H1 số tiền 112.000.000 đồng của số tiền 200.000.000 đồng do ông V, bà H2 vay của bà H1 ngày 14/4/2013. Mặt khác, bà H1 cho rằng số tiền 112.000.000 đồng bà

C trả cho bà H1 ngày 17/5/2013 là khoản tiền do bà C vay của bà H1 trước đó không liên quan đến số tiền 200.000.000 đồng mà ông V, bà H2 vay 14/4/2013.

Như vậy, Tòa cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả nợ cho bà Hoàng Thị H số tiền 200.000.000 đồng tiền gốc vay và 86.700.000 tiền lãi suất vay, tổng cộng 286.700.000 đồng là có căn cứ và đúng pháp luật. Do đó, yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H không được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí:

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông V, bà H2 phải chịu theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là có căn cứ, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Văn V và bà Phạm Thị H.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2018/DS-ST ngày 07/02/2018 của Tòa án nhân dân huyện P.

Căn cứ vào các Điều 471, Điều 474 Bộ luật dân sự 2005.

Căn cứ vào các Điều 157, Điều 688 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị H.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng) tiền gốc vay và 86.700.000 đồng (Tám mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng) tiền lãi suất vay. Tổng cộng là 286.700.000 đồng (Hai trăm tám mươi sáu triệu bảy trăm nghìn đồng).

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H phải nộp 14.335.000 đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả cho bà Hoàng Thị H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.500.000 đồng (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 025886 ngày 07/6/2017.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Văn V, bà Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ số tiền tạm ứng ông Nguyễn Văn V đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 026276 ngày 12/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P.

“Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền

phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.”

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện P;
- CCTHA dân sự huyện P;
- Các đương sự;
- Lưu (HS, TNV, TDS).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Viết Phong (đã ký)